

Bản án số: 179/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/11/2024

V/v: *Tranh chấp về ly hôn, nuôi con*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai Hoa

Bà Mai Thị Viện.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham dự phiên tòa:*
Bà Mai Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 166/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về *“Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2024/QĐXX-ST ngày 17 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Văn N, sinh năm 1991; CCCD số: 038091054242 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 03/8/2022.

Địa chỉ hiện nay: Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1990; CCCD số: 038190046505 do Cục C1 về TTXH cấp.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Hộ chiếu số: P03371544. Nơi ở hiện nay: Đà Loan.

Tại phiên tòa vắng mặt cả hai bên đương sự (Anh Trương Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Thị C vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Trương Văn N trình bày như sau:

- *Về hôn nhân:* Tôi (Trương Văn N) và cô Nguyễn Thị C sau một thời gian tìm hiểu yêu thương nhau thì đã tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn vào ngày 12/12/2019 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn tôi và cô C chung sống rất hạnh phúc và có 1 con chung là cháu Trương Gia K, sinh ngày 12/2/2019. Đến năm 2022 do mâu thuẫn trong cuộc sống, gia đình, kinh tế khó khăn cô C bỏ về nhà bố đẻ là ông Nguyễn Văn H tại thôn S, xã H sinh sống. Tháng 6 năm 2024 thì cô C bỏ sang Đài Loan làm ăn.

Việc cô C bỏ sang Đài Loan làm ăn cũng xuất phát từ tình cảm vợ chồng mâu thuẫn, thời gian ly thân kéo dài, hai bên gia đình cố gắng hòa giải để vợ chồng đoàn tụ mà không thành. Bản thân tôi xét thấy tình cảm vợ chồng cũng không còn nữa, không hy vọng gì ở cuộc hôn nhân này, nên xin ly hôn với cô C để ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: Vợ chồng chúng tôi có 01 (một) con chung là: cháu Trương Gia K, sinh ngày 12/2/2019. Từ nhỏ cho đến khi cô C về nhà bố mẹ đẻ ở đến khi cô C đi Đài Loan thì cháu vẫn ở với tôi. Nay ly hôn tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Gia K. Tôi không yêu cầu cô C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, riêng: Tôi và cô Nguyễn Thị C không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/10/2024 ông Nguyễn Văn H là bố đẻ chị Nguyễn Thị C đã trình bày:

- Chị Nguyễn Thị C là con đẻ của ông bà. Sau khi kết hôn với anh N vào năm 2019 thì về ở cùng với gia đình anh N tuy nhiên đến năm 2022 thì mâu thuẫn vợ chồng nên mang con về ở với gia đình ông từ năm 2022. Đến tháng 6 năm 2024 chị C đi Đài Loan, chị C đi Đài Loan theo diện lao động xuất khẩu nhưng ông bà không biết địa chỉ cụ thể, nhưng vẫn thường xuyên gọi điện về cho bố mẹ và gia đình.

Ngay sau khi chị C đi Đài Loan thì anh N sang nhà ông bà mang con về.

Chị C có biết việc anh N có đơn xin ly hôn chị C do Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đang giải quyết. Quan điểm của chị C là do chị C mới đi được mấy tháng mà anh N đã làm đơn ly hôn thì chị C không đồng ý.

Về con: Vợ chồng chị C anh N có 1 con chung là cháu Trương Gia K, sinh ngày 12/2/2019. Từ nhỏ cháu ở với chị C cho đến khi chị C ly thân chồng sang nhà ông bà và đi Đài Loan, sau khi đi Đài Loan thì anh N sang đón cháu về nuôi, hiện cháu đang ở với anh N. Chị C cũng đã biết việc này và nếu phải ly hôn thì chị cũng đồng ý để anh N nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung, riêng: Hai bên không có gì chung nên không yêu **cầu giải quyết**.

* Tại văn bản số: 18838/ QLXNC-P3, về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 21/8/2024 của Cục Q-Bộ C2 đã cung cấp: Nguyễn Thị C, sinh ngày 10/5/1990 có lần xuất cảnh gần đây nhất là ngày 03/6/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đầy đủ quyền lợi ích hợp pháp.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Anh Trương Văn N: Về Hôn nhân: Anh Trương Văn N được ly hôn chị Nguyễn Thị C; Về con chung: Giao cho anh N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Gia K, sinh ngày 12/2/2019. Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con do anh N không yêu cầu; Về tài sản và công nợ chung riêng: Không yêu cầu nên miễn xét;

Về án phí: Anh Trương Văn N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

(có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Anh Trương Văn N có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với chị Nguyễn Thị C hiện nay đang cư trú tại Đài Loan. Vì vậy, TAND Tỉnh Thanh Hóa thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Vắng mặt tất cả các bên đương sự (Anh Trương Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị C vắng mặt lần thứ hai) nên HĐXX căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả các bên đương sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Anh Trương Văn N và chị Nguyễn Thị C có thời gian tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình đồng ý nên đã tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương, đăng ký kết hôn được UBND xã cấp năm 2019 như vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, chị C mang con sang nhà bố mẹ đẻ ở đến hai năm sau (năm 2024) thì chị để con lại cho bố mẹ đẻ nuôi và sang Đài Loan làm ăn. Như vậy thời gian ly thân từ 2022 đến 2024 hai bên không ai quan tâm đến ai, không có ý thức hàn gắn hôn nhân nên chị C đi nước ngoài và để con lại cho bố mẹ đẻ nuôi cũng không được sự đồng lòng của vợ chồng dẫn đến việc chị C vừa đi khỏi Việt Nam thì anh N sang đón con về nuôi và làm đơn ly hôn chị. Mặc dù chị C không đồng ý ly hôn anh N nhưng chỉ với lý do là chị mới đi có mấy tháng anh đã làm đơn ly hôn chứ không phải lý do về tình cảm hoặc hiểu nhầm lẫn nhau để tìm cơ hội cho vợ chồng đoàn tụ.

Do đó nên chấp nhận đơn xin ly hôn của anh N đối với chị C, để hai bên ổn định cuộc sống mới của mình đồng thời đảm bảo quyền lợi của con chung khi chị C là người mẹ không nuôi con mà lại nhờ ông bà ngoại nuôi con là không phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Hiện nay con chung của vợ chồng là cháu Trương Gia K, sinh ngày 12/2/2019 đang ở cùng với anh N, ly hôn anh N có nguyện vọng tiếp tục được nuôi con, xét đây là nguyện vọng chính đáng nên chấp nhận;

Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh N không yêu cầu.

Về tài sản và công nợ: Các bên không yêu cầu giải quyết;

Về án phí: Anh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân

sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

* Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Anh Trương Văn N.

- Về hôn nhân: Cho Anh Trương Văn N được ly hôn với chị Nguyễn Thị C.

- Về con chung: Công nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Trương Gia K, sinh ngày 12/2/2019. Giao cháu Gia K cho anh N được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh N không yêu cầu;

Chị C có quyền qua lại chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, nhưng chị C không được lạm dụng quyền thăm nom con để làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con của anh N;

- Về tài sản, công nợ chung, riêng: Tòa án không xem xét.

- Về án phí: Anh Trương Văn N chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng anh đã nộp theo biên lai thu số 0000540 ngày 01/10/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Anh N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Anh Trương Văn N và chị Nguyễn Thị C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- TAND, VKSND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Hoàng Phụ, huyện Hoàng Hóa.
- Các đương sự;
- Lưu: HS vụ án; Lưu Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phương Thanh